

Bản án số: **43/2024/HS-ST**
Ngày: 09/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Huỳnh Công Trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Q – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Lê Ngọc Ân – Kiểm sát viên Trung cấp.

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 34/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thế B (Tên gọi khác: B Chó), sinh ngày 12/3/1999 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn ĐP, xã Hòa QN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không. Trình độ V hóa (học vấn): 8/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Bùi V Th, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Lê L, sinh năm 1977. Tiền sự: không. Tiền án: ngày 16/7/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp xong hình phạt tù ngày 17/01/2023. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Tấn H (Tên gọi khác: Chó B), sinh ngày 02/3/1987 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Phước Kh, xã Hòa T, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không. Trình độ V hóa (học vấn): 8/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông: (không xác định được) và bà Ngô Thị M, sinh năm 1963, có vợ tên Nguyễn Thị Ng Ch, sinh năm 1987 (chết) và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án: Ngày 25/4/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt với Bản án số 73 ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa 01 năm 06 tháng tù, thành hình phạt chung 05 năm 06 tháng tù, theo Bản án số 12 ngày 25/4/2013. Chấp hành xong hình phạt tù 04/8/2017. Chưa nộp tiền án phí. Tiền sự: không. Nhân thân: - Ngày 25/8/2003, bị Ủy ban nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng. - Ngày 19/6/2009, bị Ủy ban nhân dân xã

HT, huyện PH quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 06 tháng. - Ngày 20/01/2012, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng. - Ngày 23/11/2012, bị Tòa án nhân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, theo Bản án số 73 ngày 23/11/2012. - Ngày 12/8/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, theo Bản án số 52 ngày 12/8/2019. Chấp hành xong bản án ngày 21/9/2020. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Chí T (Tên gọi khác: T Tang), sinh ngày 18/01/1981 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Vĩnh X, xã Hoà TĐ, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không. Trình độ V hóa (học vấn): 8/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Trương Trọng Ng (chết) và bà Đinh Thị Th, sinh năm 1944, có vợ tên Trần Thị , sinh năm 1982 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2002. Tiền án: - Ngày 29/11/2002, bị Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Phú Yên (nay là thị xã Đông Hòa) xử phạt 02 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, theo Bản án số 68 ngày 29/11/2002. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/6/2004. - Ngày 16/6/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 07 năm tù về tội Cố ý gây Th tích, theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, theo Bản án số 57 ngày 16/6/2005. - Ngày 27/8/2010, bị Tòa án nhân dân huyện ĐX, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam, theo quy định tại Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với hình phạt còn lại với Bản án số 57 ngày 16/6/2005 thành hình phạt chung 04 năm 13 ngày tù, theo Bản án số 14 ngày 27/8/2010. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/4/2014. - Ngày 25/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, theo Bản án số 25 ngày 25/8/2015. - Ngày 31/12/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, theo Bản án số 132 ngày 31/12/2015. - Ngày 08/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 25 ngày 25/8/2015 và Bản án số 132 ngày 31/12/2015 thành 07 năm tù, theo Bản án số 02 ngày 08/01/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2022. Tiền sự: không. Nhân thân: - Ngày 13/12/1996, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 18 tháng. - Ngày 17/6/1999, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng. - Ngày 31/12/2001, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoà TĐ, huyện TH (nay là thị xã Đông Hòa) phạt C cáo. Bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức V (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 18/01/2004 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn ĐP, xã Hòa QN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không. Trình độ V hóa (học vấn): 01/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn V K, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị C,

sinh năm 1968. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 21/6/2023, bị Công an xã Hoà Định Đông, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhân thân: - Ngày 14/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cố ý gây Th tích quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (phạm tội mới 16 năm 01 tháng 20 ngày tuổi). - Ngày 30/8/2023, bị Công an xã Hoà Q Nam, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 16/12/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện SH, tỉnh Phú Yên; Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2023 đến nay tại xã Hoà QN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Xuân K (Tên gọi khác: M), sinh ngày 01/5/2001 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Ngọc L, xã Bình Ng, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Sửa xe. Trình độ V hóa (học vấn): 7/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1972, có vợ tên Võ Thị Thu N, sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: - Ngày 05/12/2023, bị Trưởng Công an thành phố TH, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. - Ngày 26/3/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ vũ khí thô sơ. - Ngày 28/3/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Phú Yên xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái – tỉnh Ninh Thuận, được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại: 1.** Nguyễn Phi C, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn 4, xã Đa L, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên(Có mặt).

2. Nguyễn T Kh, sinh năm 1959, nơi cư trú: Thôn Canh Th, xã Canh H, huyện VC, tỉnh Bình Định(Có mặt).

3. Trần Thị D, sinh năm 2003, nơi cư trú: Thôn Canh P, xã Canh H, huyện VC, tỉnh Bình Định(Có mặt).

4. Đỗ V Th, sinh năm 1990 nơi cư trú: Thôn Lãnh V, xã Xuân L, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên(Vắng mặt).

5. Sô Minh T, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Suối Đ, xã Phước T, huyện SH, tỉnh Phú Yên(Có mặt).

6. Phạm Đồng L, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Tân Phước X, xã Xuân S Bắc, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên(Vắng mặt).

7. Trần Quốc V, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn Phú C, xã An T, huyện TA, tỉnh Phú Yên(Có mặt).

8. Phạm Minh T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Nhơn H, xã An HH, huyện TA, tỉnh Phú Yên(Có mặt).

9. Nguyễn V O, sinh năm 1984, nơi cư trú: KP Tân Th, TT Vân C, huyện VC, tỉnh Bình Định(Có mặt).

10. Sô Minh T, sinh năm 2005, nơi cư trú: Thôn Suối Đ, xã Phước T, huyện SH, tỉnh Phú Yên (Vợ bị hại T) (Có mặt).

11. Trần Anh Q, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Phú C, xã An T, huyện TA, tỉnh Phú Yên (Vợ bị hại V) (Có mặt).

12. Huỳnh Thị Th, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Nhơn H, xã An HH, huyện TA, tỉnh Phú Yên (Vợ bị hại T) (Vắng mặt).

13. Nguyễn Thị N, sinh năm 1989, nơi cư trú: KP Tân T, TT Vân C, huyện VC, tỉnh Bình Định (Vợ bị hại O) (Có mặt).

14. Trần V Th, sinh năm 2000, nơi cư trú: Làng Hiệp H, Canh H, VC, Bình Định (Chồng bị hại D) (Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** 1. Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn Phú H, xã Xuân P, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên (Công an huyện ĐX) (có mặt).

2. Hồ Vĩnh Q, sinh năm 1993, nơi cư trú: KP Long C, TT La H, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên(Vắng mặt).

3. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990, nơi cư trú: KP Long C, TT La H, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên(Vắng mặt).

4. Huỳnh Thê Q, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn Suối C, xã Xuân Q 1, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên(Vắng mặt).

5. Võ Thị Thu N, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thôn Ngọc L, xã Bình N, TP. Tuy H, tỉnh Phú Yên (Vợ bị can K) (Có mặt).

6. Phạm Ngọc C, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Vĩnh P, xã Hòa A, huyện PH, tỉnh Phú Yên(Có mặt).

7. Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 2002, nơi cư trú: KP Trung H, TT Củng S, Huyện SH, tỉnh Phú Yên(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Nguyễn Đức V không có nghề nghiệp, lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền làm nguồn sống chính. B, H mang theo kéo, kìm, bình xịt hơi cay...để làm công cụ trộm cắp, khi bị phát hiện dùng để chống trả để tẩu thoát. Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023, trên địa bàn các huyện TA, ĐX, SH, tỉnh Phú Yên và huyện VC, tỉnh Bình Định, B đã 09 lần trộm cắp 09 xe mô tô, bán cho Trương Chí T 05 xe, trong đó: H tham gia với B 08 lần trộm cắp 08 xe, V tham gia với B trộm cắp 01 xe, cụ thể N sau:

- Lần thứ 1: Khoảng 02 giờ 30, ngày 23/6/2023, tại thôn 4, xã DL, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên, B, H lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 78K1-221.90 trị giá 30.375.000 đồng của anh Nguyễn Phi C; Th qua mạng xã hội H bán cho người không xác định được 5.000.000 đồng, chia cho B 2.500.000 đồng.

- Lần thứ 2: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 29/6/2023, tại thôn CT, xã CH, huyện VC, tỉnh Bình Định, B, H lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 77X9-8644 trị

giá 10.000.000 đồng của anh Nguyễn T Kh; Th qua mạng xã hội B bán cho người không xác định được 5.000.000 đồng, chia cho H 2.500.000 đồng.

- Lần thứ 3: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 12/7/2023, tại thôn C Phước, xã CH, huyện VC, tỉnh Bình Định, B, H lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 77B1-121.22 trị giá 42.300.000 đồng của chị Trần Thị D; B bán cho người không xác định được 5.000.000 đồng, chia cho H 2.500.000 đồng.

- Lần thứ 4: Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2023, tại thôn LV, xã XL, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên, B, H lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 78K1- 179.46 trị giá 21.800.000 đồng của anh Đỗ V Th; sợ bị phát hiện B, H đem xe đến khu vực cầu ĐR, thành phố TH, tỉnh Phú Yên đốt.

- Lần thứ 5: Khoảng 01 giờ ngày 27/8/2023, tại thôn SĐ, xã PT, huyện SH, tỉnh Phú Yên, B, V lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 78E1-314.72 của anh Sô Minh T trị giá 17.000.000 đồng; khoảng 11 giờ cùng ngày, B gọi điện cho T nói: có xe Exciter không có giấy tờ, hỏi T có mua không, T biết xe trộm cắp nH vẫn đồng ý mua 4.500.000 đồng; T gọi điện cho Nguyễn Xuân K nhờ K đến khu vực nhà T để điều khiển xe đi cất giấu, K biết T mua xe trộm cắp nH vẫn đồng ý đến nhận xe. Khi T mua xe, K nhận xe từ V rồi điều khiển xe đến khu đất ở phường Hòa H B, rồi T điều khiển đến nhà K B K sơn, sửa lại để T bán, T trả K 1.200.000 đồng; B chia cho V 1.500.000 đồng.

+ Lần thứ 6: Khoảng 02 giờ, ngày 02/9/2023, tại thôn Tân P, xã Xuân Sơn B, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên, B, H trộm cắp xe mô tô Exciter biển số 78D1- 048.09 trị giá 20.650.000 đồng của anh Phạm Đồng L, trên đường chạy về B gọi điện cho Trương Chí T nói: có xe Exciter không có giấy tờ, hỏi T có mua không, T biết xe trộm cắp nH vẫn đồng ý mua, B đem xe bán cho T được 4.000.000 đồng, chia cho H 2.000.000 đồng.

+ Lần thứ 7: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 04/9/2023, tại thôn Phú C, xã An T, huyện TA, tỉnh Phú Yên, B, H trộm cắp xe mô tô Raider biển số 95H1-141.32 trị giá 19.500.000 đồng của anh Trần Quốc V, trên đường chạy về B gọi điện cho T nói: có xe Raider không có giấy tờ, hỏi T có mua không, T biết xe trộm cắp nH vẫn đồng ý mua 4.000.000 đồng, do không có tiền nên T gọi điện cho K hỏi mượn 4.000.000 đồng để trả tiền mua xe, K biết T mua xe do trộm cắp mà có nH vẫn đồng ý, T B K đem tiền đến gần sân bóng đá Mỹ Dung ở xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên đưa cho B, H; B nhận tiền chia H 2.000.000 đồng.

+ Lần thứ 8: Khoảng 23 giờ, ngày 08/9/2023, tại thôn Nhon H, xã An HH, huyện TA, tỉnh Phú Yên, B, H trộm cắp xe mô tô Exciter biển số 78N-5881 trị giá 12.000.000 đồng của anh Phạm Minh T, trên đường chạy về B gọi điện cho T nói: có xe Exciter không có giấy tờ, hỏi T có mua không, T biết xe trộm cắp nH vẫn đồng ý mua, B đem xe bán cho T được 5.000.000 đồng, chia cho H 2.500.000 đồng.

+ Lần thứ 9: Khoảng 01 giờ ngày 12/9/2023, H điều khiển xe mô tô biển số 78C1 - 517.57 chở B đến khu phố Tân T, thị trấn VC, huyện VC, tỉnh Bình Định trộm cắp xe mô tô Exciter biển số 77B1-063.63 trị giá 22.500.000 đồng của anh Nguyễn V O rồi B điều khiển xe mô tô biển số 77B1-063.63, H điều khiển xe mô tô biển số 78C1 - 517.57 chạy về đến Km 08+850 ĐT641 thuộc thôn Tân V, xã Xuân SN, huyện ĐX bị Tổ tuần tra đảm B an ninh trật tự Công an huyện ĐX phát hiện, thấy có biểu hiện vi phạm pháp luật, anh Nguyễn Vũ L là thành viên Tổ tuần

tra ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe kiểm tra, B, H không chấp hành tăng tốc độ xe chạy về phía anh L, B điều khiển xe tông vào người anh L, làm anh L ngã xuống đường bị nứt 1/3 dưới xương chày cẳng chân trái, B, H điều khiển xe tẩu thoát, trên đường B gọi điện cho T nói: có xe Exciter không có giấy tờ, hỏi T có mua không, T biết xe trộm cắp nH vẫn đồng ý mua 5.000.000 đồng, T nói B đem xe đến gác chắn xe lửa thôn Ngọc L, xã BN, thành TH giao, nhận xe; T đến nhà K nhờ K đến nhận xe giúp T, K biết T mua xe do trộm cắp mà có nH vẫn đồng ý đến nhận xe, T trả cho B 5.000.000 đồng, B chia cho H 2.500.000 đồng.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 24/8/2023, số 29 ngày 19/9/2023, số 34 ngày 25/9/2023, số 35 ngày 27/9/2023, số 15 ngày 29/9/2023, số 56 ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản các huyện ĐX, huyện SH, huyện TA và tỉnh Phú Yên; huyện VC kết luận tổng giá trị của các xe mô tô là 196.125.000 đồng, cụ thể: xe biển số 78D1-048.09 trị giá 20.650.000 đồng, xe biển số 78K1- 221.90 trị giá 30.375.000 đồng, xe biển số 78E1- 314.72 trị giá 17.000.000 đồng, xe biển số 95H1-141.32 trị giá 19.500.000 đồng, xe biển số 78N3-5881 trị giá 12.000.000 đồng, xe biển số 77X9-8644 trị giá 10.000.000 đồng, xe biển số 77B1-121.22 trị giá 42.300.000 đồng, xe biển số 77B1-063.63 trị giá 22.500.000 đồng, xe biển số 78K1-179.46 trị giá 21.800.000 đồng.

Kết luận giám định tổn Th cơ thể số 373 ngày 15/10/2023 của Trung T Pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: anh Vũ V L bị Th tích tỷ lệ 04%, do vật tày tác động.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2024 của VKSND tỉnh Phú Yên đã truy tố các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H về tội Trộm cắp tài sản và Chống người thi hành công vụ, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đức V về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Trương Chí T, Nguyễn Xuân K về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, trong đó: T theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; K theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Trương Chí T, Nguyễn Xuân K, Nguyễn Đức V vẫn khai nhận tội N đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội N nội dung Cáo trạng truy tố là đúng.

* Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai về tình tiết vụ án N nội dung Cáo trạng đã nêu.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố N nội dung Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H phạm tội Trộm cắp tài sản và Chống người thi hành công vụ; Nguyễn Đức V phạm tội Trộm cắp tài sản; Trương Chí T, Nguyễn Xuân K phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm g, h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điều 330; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thế B từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 07 năm 03 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/9/2023.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm g, h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điều 330; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Tấn H từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội Chống người thi hành công vụ.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 06 năm 03 tháng đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/9/2023.

3. Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 16/12/2023.

4. Áp dụng điểm đ, khoản 2, 5 Điều 323, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Chí T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/01/2024.

Phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

5. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 323, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân K từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng – 15.000.000 đồng.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 38 ngày 28/3/2024 của TAND TP TH tuyên phạt bị cáo 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Biện pháp tư pháp: Bị cáo K biết T tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, sơn sửa lại để T bán và được T trả 1.200.000 đồng hưởng lợi nên buộc bị cáo nộp lại tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Các bị hại yêu cầu bồi thường, trong đó: anh Đỗ V Th 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Phi C 30.375.000 đồng, anh Trần Quốc V 19.500.000 đồng, anh Sô Minh T 17.000.000 đồng, anh Nguyễn V O 22.500.000 đồng, anh Nguyễn T Kh 10.000.000 đồng, chị Trần Thị D 42.300.000 đồng, anh Nguyễn Vũ L yêu cầu bồi thường về Th tích 5.000.000 đồng.

Giá trị xe của anh Đỗ Minh Th được định giá là 21.800.000đ, do đó chấp nhận theo giá trị xe. Các bị hại còn lại yêu cầu theo giá trị định giá của xe và anh L yêu cầu bồi thường về Th tích 5.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Các xe của các anh C, Kh, Th, V, O, chị D do B và H chiếm đoạt nên buộc các bị cáo B, H bồi thường theo phần bằng nhau, mỗi bị cáo là: 73.237.500 đồng (C 30.375.000 đồng, Kh 10.000.000 đồng, D 42.300.000 đồng, Th 21.800.000 đồng, V 19.500.000 đồng, O 22.500.000 đồng).

Xe của anh T do B và V chiếm đoạt nên buộc các bị cáo B, V bồi thường theo phần bằng nhau, mỗi bị cáo là 8.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Trả lại cho chủ sở hữu vì không liên quan đến tội phạm: + 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Oppo A55, màu xanh cho chị Hoa. + 01 thẻ ATM ngân hàng VietinBank cho bị cáo Trương Chí T.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 xe mô tô biển số 78G1 – 589.73; 01 xe mô tô biển số 78C1 – 237.44 của bị cáo T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: + 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia màu xanh nhạt của bị cáo B. + 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia màu đen của bị cáo H. + 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Iphone Xsmax màu trắng số máy MT6R2J-A, imei 357309090756341, mặt kính sau bị vỡ, bên trong có gắn thẻ sim số 0896143779; 01 điện thoại bàn phím hiệu Samsung màu đen, bên trong có gắn thẻ sim số 0935586847 của bị cáo T.

- Tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng: + 01 ổ khoá bằng kim loại có kích thước (05x8,5)cm; + 01 sợi dây dù loại tròn màu trắng; + 10 đoạn kim loại hình dích dắc; + 02 đoạn kim loại; + 01 đôi giày da màu đen; + 01 cái quần dài kaki màu vàng; + 01 can nhựa màu trắng; + 01 cái áo khoát da màu đen; + 01 biển số 78U1 – 1205; + 01 roi điện diện (10,5x5,5)cm, được bọc bằng nhựa đen, trên thân roi điện có ghi chữ “5000K VOLT 800TYPE Direct-current ultrahigh voltage”, đầu roi điện có gắn kim loại; + 01 con dao thái lan dài 21,6cm, phần cán màu vàng, phần lưỡi bằng kim loại có đầu nhọn; + 01 tua vít, cán cầm bằng nhựa màu xanh đỏ dài 18,5cm; + 01 chày bằng kim loại dài 24,3cm, đầu chày dẹp dài 2,5cm; + 01 cái kiềm dài 16,3cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh – đen hiệu “GESTAR”; + 01 cái kiềm dài 20,2cm, tay cầm bọc nhựa màu đỏ – đen; + 01 cái cà lê bằng kim loại dài 12,6cm; + 01 cái tua tuýp bằng kim loại để vặn ốc dài 17,7cm, một đầu được uốn cong; + 01 ống tuýp sắt bằng kim loại dài 1,37m được quấn bằng keo xanh, một đầu được gắn lưỡi dao bằng kim loại dài 10,6cm, một đầu được gắn 02 cây đinh bằng kim loại.

Các bị cáo không tranh luận gì, nói lời sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Mặc dù tại phiên tòa, một số bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án và không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm phạm tội, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Nguyễn Đức V không có nghề nghiệp, trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền làm nguồn sống chính. B, H mang theo kéo, kìm, bình xịt hơi cay...để làm công cụ trộm cắp, khi bị phát hiện dùng để chống trả để tẩu thoát. Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023, trên địa bàn các tỉnh Phú Yên, Bình Định, B đã 09 lần trộm cắp 09 xe mô tô của các anh Đỗ V Th, Nguyễn Phi C, Trần Quốc V, Sô Minh T, Nguyễn V O, Nguyễn T Kh, Phạm Đồng L, Phạm Minh T và chị Trần Thị D, tổng trị giá 196.125.000 đồng. Ngô Tấn H tham gia cùng với B 08 lần, trộm cắp 08 xe, tổng trị giá 179.125.000 đồng. Nguyễn Đức V tham gia cùng với B trộm cắp 01 xe, trị giá 17.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 12/9/2023, sau khi trộm cắp xe trên đường tẩu thoát, B, H không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của tổ tuần tra Công an huyện ĐX, tăng tốc độ xe bỏ chạy, B điều khiển xe tông vào người anh L, làm anh L ngã xuống đường bị Th tích. Trương Chí T biết xe mô tô do B, H, V phạm tội mà có, đã 05 lần mua 05 xe, tổng trị giá 91.650.000 đồng; Nguyễn Xuân K biết T mua xe do phạm tội mà có nH vẫn cho T mượn tiền mua và giúp T nhận xe sơn, sửa lại đưa T bán, tổng cộng 03 xe, tổng trị giá 59.000.000 đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H về các tội Trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 và Chống người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Đức V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173, Trương Chí T, Nguyễn Xuân K về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, trong đó: T theo điểm đ khoản 2 Điều 323 với T tiết định khung phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; K theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Nguyễn Đức V là những người không có nghề nghiệp, trong đó bị cáo B, H trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền làm nguồn sống chính. Đồng thời B, H mang theo kéo, kìm, bình xịt hơi cay...để làm công cụ trộm cắp, khi bị phát hiện dùng để chống trả để tẩu thoát. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp và sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an - an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra các bị cáo phải kiềm chế làm để có thu nhập nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình, phải chấp hành nghiêm quy định pháp luật, sự điều hành của người thực thi công vụ khi được yêu cầu dừng xe để kiểm tra nH các bị cáo B, H không chấp hành, đã cố T chống trả tăng tốc độ xe để tẩu thoát, bị cáo B đã tông vào người anh L rồi chạy thoát. Các bị cáo

đều có nhân thân xấu, bị cáo B và bị cáo H đều có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo H nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp và các cơ quan chức năng xử phạt hành chính, bị cáo V nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị Tòa án xét xử; các bị cáo B, H phạm tội từ 02 lần trở lên và thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trương Chí T, Nguyễn Xuân K: Bị cáo T biết xe do B, H trộm cắp mà có nH vì hám lợi đã mua tài sản trộm cắp, bị cáo K biết bị cáo T mua xe trộm cắp nH vẫn giúp sức điều khiển xe, cho bị cáo T mượn tiền để mua xe. Bị cáo T có 06 tiền án về các tội khác nhau; bị cáo K còn bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo T, K cũng nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên bị áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy đối với các bị cáo B, H, V, T, K khi lượng hình cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, xét các bị cáo sau khi phạm tội luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T là gia đình có công với cách mạng nên cần áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51, bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, để các bị cáo thấy được sự khO hồng của pháp luật mà an T cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 323 BLHS

Phạt bị cáo Trương Chí T 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Các bị hại yêu cầu bồi thường, trong đó: anh Đỗ V Th 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Phi C 30.375.000 đồng, anh Trần Quốc V 19.500.000 đồng, anh Sô Minh T 17.000.000 đồng, anh Nguyễn V O 22.500.000 đồng, anh Nguyễn T Kh 10.000.000 đồng, chị Trần Thị D 42.300.000 đồng và anh Nguyễn Vũ L yêu cầu bồi thường chi phí điều trị Th tích 5.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản xe mô tô anh Đỗ V Th có giá trị là 21.800.000đ nên chấp nhận theo giá trị xe đã được định giá và các bị hại còn lại yêu cầu bồi thường là có căn cứ nên chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại.

Các xe của các anh C, Kh, Th, V, O, chị D do bị cáo B, H chiếm đoạt có tổng giá trị 146.475.000 đồng nên buộc các bị cáo B, H phải liên đới bồi thường cho anh Đỗ V Th 21.800.000 đồng, anh Nguyễn Phi C 30.375.000 đồng, anh Trần Quốc V 19.500.000 đồng, anh Nguyễn V O 22.500.000 đồng, anh Nguyễn T Kh 10.000.000 đồng, chị Trần Thị D 42.300.000 đồng theo phần bằng nhau, mỗi bị cáo là: 73.237.500 đồng.

Xe của anh T do các bị cáo B, V chiếm đoạt có giá trị 17.000.000 đồng nên buộc các bị cáo B, V phải liên đới bồi thường cho anh Sô Minh T 17.000.000 đồng theo phần bằng nhau, mỗi bị cáo là 8.500.000 đồng.

Đối với chi phí điều trị Th tích anh Nguyễn Vũ L yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng. Bị cáo B chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của anh L nên cần ghi nhận buộc bị cáo B phải bồi thường anh L số tiền 5.000.000 đồng.

Các bị hại Phạm Đồng L, Phạm Minh T đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K biết xe T tiêu thụ do phạm tội mà có, sơn sửa lại để T bán và được T trả 1.200.000 đồng hưởng lợi nên buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính nộp ngân sách nhà nước

[7] Các vấn đề khác trong vụ án:

- Bị cáo V khai cùng với bị cáo B thực hiện 02 lần trộm cắp 02 xe mô tô tại xã Đức Bình T, huyện SH và xã Xuân P, huyện ĐX, Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên đã phối hợp với Cơ quan C sát điều tra Công an các huyện S H, ĐX rà soát, xác định không có các vụ trộm cắp N bị cáo V khai nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với các bị cáo là có căn cứ.

- Bị cáo B khai bán xe mô tô biển số 77B1 – 121.22 cho anh Phạm Ngọc C, ngoài lời khai của B không có tài liệu, chứng cứ khác nên không có căn cứ để xử L.

- Kết quả điều tra xác định biển số xe mô tô 78U1 – 1205 gắn trên xe mô tô có số khung, số máy trùng với xe mô tô biển số 78D1-048.09 tạm giữ của bị cáo T là biển số xe mô tô của anh Nguyễn Ngọc Khoa ở thị xã SC, tỉnh Phú Yên, xe đã bị mất, NH không có căn cứ xác định các bị cáo trộm cắp xe nói trên. Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tiếp tục xác minh, làm rõ xử L sau.

- Xe mô tô biển số 81N1 – 102.25 tạm giữ của bị cáo H là của anh Tạ V Cẩn ở huyện KP, tỉnh Gia Lai bị mất, bị cáo H khai mua xe trên qua mạng xã hội. Kết quả điều tra không có căn cứ xác định bị cáo H trộm cắp hay biết rõ xe trên do phạm tội mà có NH vẫn mua do đó Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên chuyển nguồn tin đến Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Krông Pa giải quyết theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Bị cáo T không khai nhận bán xe cho ai nên không có căn cứ để làm rõ các đối tượng mua xe và số tiền thu lợi bất chính.

[8] Về xử L vật chứng: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho chủ sở hữu vì không liên quan đến tội phạm: + 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Oppo A55, màu xanh cho chị Hoa. + 01 thẻ ATM ngân hàng VietinBank cho bị cáo Trương Chí T.

- Tạm giữ để đảm B thi hành án: + 01 xe mô tô biển số 78G1 – 589.73; + 01 xe mô tô biển số 78C1 – 237.44 của bị cáo T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: + 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia màu xanh nhạt của bị cáo B. + 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia

màu đen của bị cáo H.+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Iphone Xsmax màu trắng số máy MT6R2J-A, imei 357309090756341, mặt kính sau bị vỡ, bên trong có gắn thẻ sim số 0896143779; 01 điện thoại bàn phím hiệu Samsung màu đen, bên trong có gắn thẻ sim số 0935586847 của bị cáo T.

- Tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng;+ 01 ổ khoá bằng kim loại có kích thước (05x8,5)cm;+ 01 sợi dây dù loại tròn màu trắng;+ 10 đoạn kim loại hình dích dắc;+ 02 đoạn kim loại;+ 01 đôi giày da màu đen;+ 01 cái quần dài kaki màu vàng;+ 01 can nhựa màu trắng;+ 01 cái áo khoát da màu đen;+ 01 biển số 78U1 – 1205;+ 01 roi điện diện (10,5x5,5)cm, được bọc bằng nhựa đen, trên thân roi điện có ghi chữ “5000K VOLT 800TYPE Direct-current ultrahigh voltage”, đầu roi điện có gắn kim loại;+ 01 con dao thái lan dài 21,6cm, phần cán màu vàng, phần lưỡi bằng kim loại có đầu nhọn;+ 01 tua vít, cán cầm bằng nhựa màu xanh đỏ dài 18,5cm;+ 01 chày bằng kim loại dài 24,3cm, đầu chày dẹp dài 2,5cm;+ 01 cái kiềm dài 16,3cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh – đen hiệu “GESTAR”;+ 01 cái kiềm dài 20,2cm, tay cầm bọc nhựa màu đỏ - đen;+ 01 cái cà lê bằng kim loại dài 12,6cm;+ 01 cái tua tuýp bằng kim loại để vặn ốc dài 17,7cm, một đầu được uốn cong;+ 01 ống tuýp sắt bằng kim loại dài 1,37m được quấn bằng keo xanh, một đầu được gắn lưỡi dao bằng kim loại dài 10,6cm, một đầu được gắn 02 cây đinh bằng kim loại.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/6/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên và Cục thi hành án tỉnh Phú Yên).

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Nguyễn Đức V, Trương Chí T, Nguyễn Xuân K bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Nguyễn Đức V, còn phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Các bị cáo Trương Chí T, Nguyễn Xuân K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm g, h, khoản 1, Điều 52; khoản 1, Điều 330; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thế B 06 (Sáu) năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 02 (Hai) năm tù về tội Chống người thi hành công vụ.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/9/2023.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm g, h, khoản 1, Điều 52; khoản 1, Điều 330, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Tấn H từ 05 (Năm) năm 06(Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/9/2023.

3. Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 16/12/2023.

4. Áp dụng điểm đ, khoản 2, 5 Điều 323, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Chí T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/01/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trương Chí T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 323, điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân K từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 38 ngày 28/3/2024 của TAND TP TH tuyên phạt bị cáo 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung **là 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù.**

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân K nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo B, H phải liên đới bồi thường cho các bị hại Nguyễn Phi C 30.375.000 đồng (Ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Trần Quốc V 19.500.000 đồng (Mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn V O 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn T Kh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), chị Trần Thị D 42.300.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng), Đỗ V Th 21.800.000đ (Hai mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 73.237.500đ (Bảy mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Buộc các bị cáo B, V phải liên đới bồi thường cho anh Sô Minh T 17.000.000đ(Mười bảy triệu đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 8.500.000đ(Tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Thế B và anh Nguyễn Vũ L, buộc bị cáo B phải bồi thường chi phí điều trị Th tích của anh Nguyễn Vũ L 5.000.000 đồng(Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho chủ sở hữu vì không liên quan đến tội phạm:+ 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Oppo A55, màu xanh cho chị Hoa.+ 01 thẻ ATM ngân hàng VietinBank cho bị cáo Trương Chí T.

- Tạm giữ để đảm B thi hành án: +01 xe mô tô biển số 78G1 – 589.73; +01 xe mô tô biển số 78C1 – 237.44 của bị cáo T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:+ 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia màu xanh nhạt của bị cáo B.+ 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Nokia màu đen của bị cáo H.+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Iphone Xsmax màu trắng số máy MT6R2J-A, imei 357309090756341, mặt kính sau bị vỡ, bên trong có gắn thẻ sim số 0896143779; 01 điện thoại bàn phím hiệu Samsung màu đen, bên trong có gắn thẻ sim số 0935586847 của bị cáo T.

- Tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng:+ 01 ổ khoá bằng kim loại có kích thước (05x8,5)cm;+ 01 sợi dây dù loại tròn màu trắng;+ 10 đoạn kim loại hình dích dắc;+ 02 đoạn kim loại;+ 01 đôi giày da màu đen;+ 01 cái quần dài kaki màu vàng;+ 01 can nhựa màu trắng;+ 01 cái áo khoát da màu đen;+ 01 biển số 78U1 – 1205;+ 01 roi điện diện (10,5x5,5)cm, được bọc bằng nhựa đen, trên thân roi điện có ghi chữ “5000K VOLT 800TYPE Direct-current ultrahigh voltage”, đầu roi điện có gắn kim loại;+ 01 con dao thái lan dài 21,6cm, phần cán màu vàng, phần lưỡi bằng kim loại có đầu nhọn;+ 01 tua vít, cán cầm bằng nhựa màu xanh đỏ dài 18,5cm;+ 01 chạm bằng kim loại dài 24,3cm, đầu chạm dẹp dài 2,5cm;+ 01 cái kiềm dài 16,3cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh – đen hiệu “GESTAR”;+ 01 cái kiềm dài 20,2cm, tay cầm bọc nhựa màu đỏ - đen;+ 01 cái cà lê bằng kim loại dài 12,6cm;+ 01 cái tua tuýp bằng kim loại để vặn ốc dài 17,7cm , một đầu được uốn cong;+ 01 ống tuýp sắt bằng kim loại dài 1,37m được quấn bằng keo xanh, một đầu được gắn lưỡi dao bằng kim loại dài 10,6cm, một đầu được gắn 02 cây đinh bằng kim loại.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/6/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên và Cục thi hành án tỉnh Phú Yên).

Về án phí: Áp dụng theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Bùi Thế B, Ngô Tấn H, Nguyễn Đức V, Trương Chí T, Nguyễn Xuân K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Bùi Thế B phải chịu 4.336.875 đồng(Bốn triệu, ba trăm ba mươi bảy n nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Ngô Tấn H phải chịu 3.662.000 đồng(Ba triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 425.000đ(Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC Đà Nẵng ;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS Phú Yên ;
- P.KTNV – THAHS,
- Lưu TA, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan